TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 716/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 859/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực A1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Ngọc Â tìm hiểu nhau trong thời gian

khoảng 10 năm. Đến ngày 13 tháng 12 năm 2018 chị với anh Â tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của chị tại tổ 3, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Ngôi nhà này do chị tạo lập trước khi chị và anh Â kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Â không lo làm ăn mà thường xuyên sử dụng chất kích thích nên thường xuyên vắng nhà. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh Â không sửa đổi. Mỗi lần vợ chồng gặp nhau thì anh Â xúc phạm và dọa đánh chị. Ngoài ra, anh Â lấy Giấy chứng nhận kết hôn đi vay tiền để tiêu xài cá nhân rồi chị phải trả nợ cho anh Â. Chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh Â hai lần tại Tòa án nhân dân thị xã A nhưng do anh Â thuyết phục chị quay về đoàn tụ nên chị rút đơn và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 190/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2022 âm lịch đến nay. Từ khi không còn sống chung, thỉnh thoảng hai vợ chồng có liên lạc nhưng anh Â chỉ đe dọa chị chứ không có ý định hàn gắn tình cảm. Lần gần đây nhất là sáng ngày 08 tháng 3 năm 2023, anh Â tiếp tục đến quán cà phê chửi và đánh chị tại quán, có nhiều người chứng kiến. Chị xác định không còn tình cảm với anh Â nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Â vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc Â không có con chung nên không xét. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì chị Nguyễn Thị H không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Â có địa chỉ cư trú tại khu vực A1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Â đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Â đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Chị H và anh Â đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Â là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh Â đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2021 và năm 2022 chị H đã yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng chị đã tự nguyện rút đơn khởi kiện để quay về đoàn tụ. Sau khi quay về sống chung, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn nên chị H tiếp tục yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Â mặc dù biết chị H yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án chứng tỏ anh Â không tha thiết hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên

theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Chị H và anh Â không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí 300.000 đồng.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 1 Điều 96; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Â.

2. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc Â không có con chung.

3. Không giải quyết về tài sản chung vì chị H không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005675 ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Ủy ban nhân dân phường B (Giấy CNKH số 132 ngày 13/12/2018);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh